

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	03 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	07 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính	13 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN BASA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016.

I. CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BaSa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại BaSa theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000292 đăng ký lần đầu ngày 16/4/2007, và đăng ký thay đổi lần thứ hai số 1800465461 ngày 12/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh : 96.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 16/05/2016 : 96.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 861 QL 91 - Thới Thạnh - Thới Thuận - Thốt Nốt - TP Cần Thơ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy hải sản; Đại lý ký gửi hàng hóa; Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 16/05/2016 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

III. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 16/05/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

IV. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Hội đồng Quản trị

Ông	Võ Tấn Minh	Chủ tịch
Ông	Võ Đình Duy	Thành viên
Ông	Nguyễn Sang Ba	Thành viên
Ông	Thái Hồng Phước	Thành viên
Ông	Hoàng Đức Tri	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông	Võ Tấn Minh	Giám đốc
Ông	Hoàng Đức Tri	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông	Hồ Viết Quả	Trưởng ban
Ông	Đông Tấn Tài	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông	Võ Tấn Minh
-----	-------------

Kế toán trưởng

Bà	Lê Thị Kim Loan
----	-----------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

V. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 16/05/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. thị trường chứng khoán.

VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị CÔNG TY CỔ PHẦN BASA phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016.

Duyệt, ngày 18 tháng 05 năm 2016

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch



Võ Tấn Minh

Duyệt, ngày 18 tháng 05 năm 2016

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Võ Tấn Minh

Số : 411/BCKT/TC/2016/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: - Cổ đông Công Ty Cổ Phần BaSa
- Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần BaSa
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần BaSa

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN BASA, được lập ngày 18/05/2016, từ trang 07 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 16/05/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Ngoài hạn chế theo Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2010 do Công ty ngưng sản xuất trong quý I/2010 và sản xuất với sản lượng rất thấp trong quý II/2010 nên Công ty không thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định với số tiền là 2.274.556.290 VND; Ngoài ra, trong năm 2010, Công ty vẫn tiến hành phân bổ chi phí lãi vay vào giá trị các công trình đã ngừng xây dựng với số tiền là 1.036.595.236 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN BASA tại ngày 16/05/2016, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tới thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, số lỗ lũy kế của Công ty là (117.969.826.479) đồng; vốn góp của Công ty là 96.000.000.000 đồng và toàn bộ tài sản cố định hữu hình, vô hình, công trình xây dựng đã bán thanh lý theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016 ngày 26/03/2016. Đồng thời công ty Cổ Phần Basa cũng có ý định ngừng hoạt động trong thời gian sắp tới là các dấu hiệu về mặt tài chính có thể gây ảnh hưởng đến giả định hoạt động liên tục của công ty. Do đó báo cáo tài chính kèm theo áp dụng cho Công ty không đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

TP. HCM, ngày 07 tháng 06 năm 2016

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0064-2013-142-1

Kiểm toán viên

Dương Thị Quỳnh Hoa

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0424-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 16 tháng 05 năm 2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN	100		160.804.278	111.714.412.415
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	80.162.733	168.039.755
Tiền	111		80.162.733	168.039.755
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		-	-
Đầu tư vào công ty con	123		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	124		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	125		-	-
III. Các khoản phải thu	130		31.200.000	5.532.362.977
Phải thu của khách hàng	131	V.2	-	2.075.295.977
Trả trước cho người bán	132		-	3.457.067.000
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		-	-
Phải thu nội bộ	134		-	-
Phải thu về cho vay	135		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	136		-	-
Phải thu khác	137	V.3	31.200.000	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	138		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	-	3.883.321.152
V. Tài sản cố định	150		-	49.196.810.656
Tài sản cố định hữu hình	151	V.7	-	17.198.561.209
Tài sản cố định thuê tài chính	152		-	-
Tài sản cố định vô hình	153	V.8	-	31.998.249.447
VI. Bất động sản đầu tư	160		-	-
VII. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	170	V.6	-	51.085.584.275
VIII. Tài sản khác	180		49.441.545	1.848.293.600
Chi phí trả trước	181	V.9	-	1.741.082.981
Thuế GTGT được khấu trừ	182		-	57.769.074
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	183	V.12.2	49.441.545	49.441.545
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	184		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	185		-	-
Tài sản khác	186		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	100		160.804.278	111.714.412.415

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 16 tháng 05 năm 2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. NỢ PHẢI TRẢ	300		22.130.630.757	96.117.441.522
Phải trả người bán	311	V.11	-	932.181.028
Người mua trả tiền trước	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.1	5.239.868.832	711.945.773
Phải trả người lao động	314		33.628.115	181.486.605
Chi phí phải trả	315		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			-	-
Phải trả nội bộ khác	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	318		-	-
Phải trả khác	319	V.13	567.082.103	2.141.342.964
Vay và nợ thuê tài chính	320	V.10	16.290.051.707	92.136.751.707
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	13.733.445
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
C. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(21.969.826.479)	15.596.971.117
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	(21.969.826.479)	15.596.971.117
Vốn góp của chủ sở hữu	411		96.000.000.000	96.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	466.168.469
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(117.969.826.479)	(80.869.197.352)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(80.869.197.352)	(74.293.882.180)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(37.100.629.127)	(6.575.315.172)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 16 tháng 05 năm 2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		160.804.278	111.714.412.415

Lập, ngày 18 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lê Thị Kim Loan

Võ Tân Minh

Lê Thị Kim Loan



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	537.920.117
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		537.920.117
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.096.089.532
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(558.169.415)
Doanh thu hoạt động tài chính		VI.3	1.096.792
Chi phí tài chính	22		
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		
Chi phí bán hàng	25	VI.6.1	54.181.464
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.2	2.851.629.800
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		(3.462.883.887)
Thu nhập khác (*)	31	VI.4	25.667.382.796
Chi phí khác	32	VI.5	59.785.029.950
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(34.117.647.154)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(37.580.531.041)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(37.580.531.041)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	(3.915)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	(3.915)

Ghi chú (*): Chi tiêu Thu nhập khác là 25.667.382.796 đồng, trong đó có 24.596.797.199 đồng là khoản thanh lý, nhượng bán TSCĐ đã được căn trừ (là phần chênh lệch giữa khoản thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ: 73.176.006.187 đồng và giá trị còn lại của TSCĐ: 48.579.208.988 đồng).

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Lê Thị Kim Loan

Lê Thị Kim Loan

Lập, ngày 18 tháng 05 năm 2016



Võ Tấn Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01		(37.580.531.041)
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		617.601.666
- Các khoản dự phòng	03		
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(71.890.000.000)
- Chi phí lãi vay	06		
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(108.852.929.375)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		5.558.932.051
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		3.883.321.152
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		101.538.416.169
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		1.741.082.981
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-
- Thuế TNDN đã nộp	15		-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.868.822.978
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		71.890.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		71.890.000.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
Tiền thu từ đi vay	33		2.110.500.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(77.957.200.000)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(75.846.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(87.877.022)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V1	168.039.755
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V1	80.162.733

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 18 tháng 05 năm 2016





Lê Thị Kim Loan



Võ Tấn Minh

Lê Thị Kim Loan

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

*(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)***I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần BaSa là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại BaSa theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000292 đăng ký lần đầu ngày 16/4/2007, và đăng ký thay đổi lần thứ hai số 1800465461 ngày 12/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh : 96.000.000.000 VND

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 16/05/2016 : 96.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 861 QL 91 - Thới Thạnh - Thới Thuận - Thốt Nốt - TP Cần Thơ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

Chế biến và kinh doanh thực phẩm nông sản, thủy hải sản; Đại lý ký gửi hàng hóa; Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi thủy hải sản.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

5. Lý do không đáp ứng giả định hoạt động: số lỗ lũy kế của Công ty là (117.969.826.479) đồng; vốn góp của Công ty là 96.000.000.000 đồng và toàn bộ tài sản cố định hữu hình, vô hình, công trình xây dựng đã bán thanh lý theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016 ngày 26/03/2016. Đồng thời công ty Cổ Phần Basa cũng có ý định ngừng hoạt động trong thời gian sắp tới là các dấu hiệu về mặt tài chính có thể gây ảnh hưởng đến giả định hoạt động liên tục của công ty .

6. Tuyên bố về khả năng so sánh của thông tin trên Báo cáo tài chính

Không so sánh được thông tin kỳ báo cáo và kỳ so sánh do kỳ trước Công ty trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc của doanh nghiệp hoạt động liên tục; Kỳ báo cáo vì Công ty có ý định ngừng hoạt động trong thời gian sắp tới nên trình bày Báo cáo tài chính theo nguyên tắc khác.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường (trên 12 tháng);
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Trích lập dự phòng hoặc đánh giá tổn thất tài sản

Ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ, trừ bất động sản đầu tư chờ tăng giá không trích khấu hao mà chỉ xác định tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	09 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	08 - 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	05 - 25 năm

Việc tính khấu hao hoặc ghi nhận tổn thất của TSCĐ, bất động sản đầu tư được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của tài sản.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Phân loại các khoản phải vay và nợ phải trả thuê tài chính khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn trả nợ còn lại hơn 12 tháng được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quy.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

17. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phân chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH) : Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

V . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Tiền mặt	61.470.332	48.302.416
+ Tiền mặt (VND)	61.470.332	48.165.461
+ Tiền mặt (EUR)	-	136.955
- Tiền gửi ngân hàng	18.692.401	119.737.339
+ Tiền gửi (VND)	5.305.598	79.609.670
+ Tiền gửi (USD)	1.489.279	14.474.613
+ Tiền gửi (AUD)	2.997.861	10.172.647
+ Tiền gửi (EUR)	8.899.663	15.480.409
Cộng	80.162.733	168.039.755

2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ
	Giá đánh giá lại (*)	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty Khang Thịnh Phát	-	-	11.595.700
Công ty Gobal	-	-	495.058.860
US cado Holding INC	-	-	1.470.182.400
Công ty CP Thủy Sản Hiệp Phát	-	-	98.459.017
Đối tượng khác	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	-	31.200.000	-	-
+ Trợ cấp thay sản	-	31.200.000	-	-
Cộng	-	31.200.000	-	-

4 . NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-	98.459.017	-
<i>Chi tiết:</i>				
+ US cado Holding INC	-	-	-	-
+ Công ty CP Thủy Sản Hiệp Phát	-	-	98.459.017	-
Cộng	-	-	98.459.017	-

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-	2.170.202.790	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-	1.713.118.362	-
- Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
- Thành phẩm	-	-	-	-
Cộng	-	-	3.883.321.152	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

6 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	
- Xây dựng cơ bản	-	-	50.998.530.588
+ Tủ đông IQF (Yantai Moon)	-	-	7.210.024.455
+ Máy chích cá (tự làm)	-	-	26.407.500
+ Máy trộn thức ăn cá	-	-	838.800.315
+ Máy ép thức ăn cá	-	-	-
+ Hệ thống lạnh trung tâm	-	-	12.765.675.709
+ Máy nghiền mịn và máy ép viên nổi	-	-	1.747.271.932
+ Dây chuyền sản xuất thức ăn cá	-	-	155.256.878
+ Hệ thống thiết bị tẩm bột cá	-	-	3.185.910.201
+ Bồn nhựa tăng trọng cá	-	-	73.344.386
+ Máy xay bánh mì	-	-	3.939.637
+ Nhà máy Panga - BaSa	-	-	15.030.175.068
+ Công trình hệ thống xử lý nước thải	-	-	2.651.332.838
+ Nhà máy thức ăn cá	-	-	5.212.687.318
+ Nhà ở tập thể	-	-	12.090.650
+ Xưởng CBSP giá trị gia tăng	-	-	1.436.351.804
+ Máy rửa cá fillet	-	-	18.124.080
+ Mãn hình vận hành	-	-	108.548.201
+ Túi xử lý nước thải	-	-	183.959.125
+ Dây chuyền sản xuất đồ hộp	-	-	338.630.491
- Sửa chữa lớn TSCĐ	-	-	87.053.687
Cộng	-	-	51.085.584.275

Ghi chú:

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016 ngày 26/03/2016 đã quyết định giao cho Ông Võ Tấn Minh bán máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải và công trình xây dựng theo hợp đồng mua bán và chuyển nhượng tài sản giữa Cty CP Basa và Công Ty TNHH MTV Liên Lộc Phát ngày 21/03/2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN BASA

861 QL 91 - Thới Thạnh - Thới Thuận - Thốt Nốt - TP Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	13.233.600.000	30.971.480.526	3.168.024.754	1.125.544.466	295.838.941	48.794.488.687
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	13.233.600.000	30.971.480.526	3.168.024.754	1.125.544.466	295.838.941	48.794.488.687
- Thanh lý, nhượng bán	13.233.600.000	30.971.480.526	3.168.024.754	1.125.544.466	295.838.941	48.794.488.687
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	5.670.593.333	22.135.569.332	2.449.530.658	1.125.544.466	214.689.689	31.595.927.478
Số tăng trong kỳ	90.925.000	434.690.757	15.493.672	-	1.044.265	542.153.694
- Khấu hao trong kỳ	90.925.000	434.690.757	15.493.672	-	1.044.265	542.153.694
Số giảm trong kỳ	5.761.518.333	22.570.260.089	2.465.024.330	1.125.544.466	215.733.954	32.138.081.172
- Thanh lý, nhượng bán	5.761.518.333	22.570.260.089	2.465.024.330	1.125.544.466	215.733.954	32.138.081.172
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	7.563.006.667	8.835.911.194	718.494.096	-	81.149.252	17.198.561.209
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016 ngày 26/03/2016 đã quyết định giao cho Ông Võ Tấn Minh bán máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải và công trình xây dựng theo hợp đồng mua bán và chuyển nhượng tài sản giữa Cty CP Basa và Công Ty TNHH MTV Liên Lộc Phát ngày 21/03/2016.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	35.695.200.000	-	-	-	-	35.695.200.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	35.695.200.000	-	-	-	-	35.695.200.000
- Thanh lý, nhượng bán	35.695.200.000	-	-	-	-	35.695.200.000
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	3.696.950.553	-	-	-	-	3.696.950.553
Số tăng trong kỳ	75.447.972	-	-	-	-	75.447.972
- Khấu hao trong kỳ	75.447.972	-	-	-	-	75.447.972
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	3.772.398.525	-	-	-	-	3.772.398.525
- Thanh lý, nhượng bán	3.772.398.525	-	-	-	-	3.772.398.525
Số dư cuối kỳ	-	-	-	-	-	-
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	31.998.249.447	-	-	-	-	31.998.249.447
Tại ngày cuối kỳ	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016 ngày 26/03/2016 đã quyết định giao cho Ông Võ Tấn Minh bán máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải và công trình xây dựng theo hợp đồng mua bán và chuyển nhượng tài sản giữa Cty CP Basa và Công Ty TNHH MTV Liên Lộc Phát ngày 21/03/2016.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- CCDC xuất dùng	-	16.517.797
- Lợi thế thương mại	-	1.641.942.824
- Chi phí khác	-	82.622.360
Cộng	-	1.741.082.981

10 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**10.1. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối kỳ		Phát sinh		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ông Võ Tấn Minh	4.090.051.707	-	2.110.500.000	46.740.000.000	48.719.551.707	-
Công ty TNHH Thực phẩm Phong Đình	12.200.000.000	-	-	27.800.000.000	40.000.000.000	-
Ngân hàng HSBC	-	-	-	3.417.200.000	3.417.200.000	-
Cộng	16.290.051.707	-	2.110.500.000	77.957.200.000	92.136.751.707	-

10.2. Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay Ngân hàng HSBC	-	-	3.417.200.000	-
Cộng	-	-	3.417.200.000	-

Ghi chú: Khoản vay Ngân Hàng HSBC là khoản vay đã quá hạn thanh toán và không được tính lãi qua các năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

10.3. Các khoản vay và thuê tài chính đối với các bên liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị	
Ông Võ Tấn Minh	Chủ tịch HĐQT	Vay thêm Chi trả nợ vay	2.110.500.000 46.740.000.000	
Công ty TNHH Thực phẩm Phong Dinh	Bên liên quan	Chi trả nợ vay	27.800.000.000	
- Tại thời điểm cuối kỳ, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ông Võ Tấn Minh	Chủ tịch HĐQT	Vay và trả vay	4.090.051.707	48.719.551.707
Công ty TNHH Thực phẩm Phong Dinh	Bên liên quan	Vay và trả vay	12.200.000.000	40.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bưu Điện Thốt Nốt	-	-	15.851.883	-
CN Cty CPDV Bảo Vệ Tây Bình Tây Sơn tại Cần Thơ	-	-	-	-
CN Cty TNHH DVBV Đại Nam Việt	-	-	61.875.000	-
Cty CP Cơ Khí Điện Máy Cần Thơ	-	-	233.780.435	-
Cơ Sờ Sửa Xe Mìng	-	-	22.020.000	-
Cty Bảo Hiểm Hậu Giang	-	-	38.848.820	-
Cty TNHH CN In Bao Bì Hoàng Lộc	-	-	253.349.300	-
Cty CP Chuyển Fax Nhanh Hợp Nhất	-	-	26.933.780	-
Cty TNHH Huỳnh Trân	-	-	21.583.810	-
Huỳnh Hữu Nghĩa	-	-	11.327.400	-
Cty TNHH SX TM Ngọc Trân	-	-	10.650.000	-
Cty TNHH MTV DVBV Nguyễn Hiếu	-	-	18.360.000	-
Cty TNHH TMDV Nguyễn Long	-	-	30.913.150	-
Cty CP Tiếp Vận Quốc Tế Rông Xanh	-	-	43.360.587	-
Cửa Hàng VLXD Hoàng Phúc	-	-	19.552.500	-
Cty TNHH TMDV Tam Đại Dương	-	-	24.759.775	-
Cty CP Chuyển Fax Nhanh Tín Thành	-	-	16.579.530	-
Cty CP Bưu Chính Viettel	-	-	15.290.656	-
Các đối tượng khác	-	-	67.144.402	-
Cộng	-	-	932.181.028	-



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
12.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	383.757.073	5.362.260.593	510.627.634	5.235.390.032
+ <i>Thực nộp trong năm</i>	383.757.073	5.235.689.434	384.056.475	5.235.390.032
+ <i>Được khấu trừ</i>	-	126.571.159	126.571.159	-
Thuế thu nhập cá nhân	4.000.000			4.000.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	324.188.700		324.188.700	-
Thuế khác	-	3.838.800	3.360.000	478.800
Cộng	711.945.773	5.366.099.393	838.176.334	5.239.868.832
12.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.441.545	-	-	49.441.545
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Thuế khác	-	-	-	-
Cộng	49.441.545	-	-	49.441.545

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- KPCĐ	63.089.936	-	62.612.986	-
- BHXH, BHYT, BHTN	169.893.657	-	826.866.073	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	334.098.510	-	1.251.863.905	-
+ <i>Phải nộp phạt vi phạm môi trường</i>	-	-	5.000.000	-
+ <i>Phạt chậm nộp</i>	334.098.510	-	290.835.438	-
+ <i>Công ty Thông Hiệp</i>	-	-	935.010.403	-
+ <i>Các đối tượng khác</i>	-	-	21.018.064	-
Cộng	567.082.103	-	2.141.342.964	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	Cộng
Số dư đầu năm trước	96.000.000.000	-	-	466.168.469	-	(74.293.882.180)	22.172.286.289
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	-	(6.575.315.172)	(6.575.315.172)
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	96.000.000.000	-	-	466.168.469	-	(80.869.197.352)	15.596.971.117
Số dư đầu kỳ này	-	-	-	-	-	(37.580.531.041)	(37.580.531.041)
- Lợi nhuận tăng trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác (chuyển số dư quỹ lợi nhuận thường phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển về lợi nhuận theo quyết định của Công ty)	-	-	-	-	-	479.901.914	479.901.914
- Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	466.168.469	-	-	466.168.469
Số dư cuối kỳ này	96.000.000.000	-	-	-	-	(117.969.826.479)	(21.969.826.479)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VND

14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Ông Võ Tấn Minh	34.980.000.000	34.980.000.000
- Ông Võ Đình Duy	4.560.000.000	4.560.000.000
- Ông Nguyễn Sang Ba	4.560.000.000	4.560.000.000
- Ông Thái Hồng Phước	4.560.000.000	4.560.000.000
- Ông Phan Cảnh Tuyên Lâm	300.000.000	300.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	47.040.000.000	47.040.000.000
Cộng	96.000.000.000	96.000.000.000

14.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	96.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	96.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-

14.4. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.600.000	9.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.600.000	9.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	9.600.000	9.600.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

14.5. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- Quỹ đầu tư phát triển	-	466.168.469
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-

15. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
- USD	69,75	416,53
- EUR	324,99	568,34
- AUD	139,17	464,66

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**1.1. Doanh thu**

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

Kỳ này

537.920.117

537.920.117**2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

- Giá vốn dịch vụ đã cung cấp

Cộng

Kỳ này

1.096.089.532

1.096.089.532**3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Cộng

Kỳ này

1.096.792

-

1.096.792**4 . THU NHẬP KHÁC**

- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Điều chỉnh công nợ

Cộng

Kỳ này

24.596.797.199

1.070.585.597

25.667.382.796**5 . CHI PHÍ KHÁC**

- Giá trị còn lại TSCĐ và CP thanh lý, nhượng bán TSCĐ

- Giá trị còn lại của các công trình xây dựng cơ bản dở dang

- Điều chỉnh công nợ

- Chi phí phạt chậm nộp BHXH, thuế...

- Các khoản khác

Cộng

Kỳ này

51.085.584.273

4.802.322.023

66.349.059

3.830.774.595

59.785.029.950

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

6 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này
6.1. Chi phí bán hàng	
- Chi phí nhân công	53.056.464
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	375.000
- Các khoản chi phí bán hàng khác	750.000
Cộng	54.181.464
6.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp	
- Chi phí nguyên, vật liệu	37.503.762
- Chi phí nhân công	159.870.060
- Chi phí khấu hao	247.747.566
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.578.748
- Các khoản chi phí QLDN khác	1.978.929.664
Cộng	2.851.629.800

7 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	38.289.762
- Chi phí nhân công	615.002.667
- Chi phí công cụ, dụng cụ	15.442.920
- Chi phí khấu hao TSCĐ	617.601.666
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	479.718.445
- Chi phí bằng tiền khác	2.191.726.532
Cộng	3.957.781.992

8 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-
Cộng	-

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Kỳ này
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(37.580.531.041)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	172.549.059

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

+ Các khoản điều chỉnh tăng	172.549.059
Chi phạt và khác	66.349.059
Thù lao Ban kiểm soát	106.200.000
- Tổng thu nhập chịu thuế	(37.407.981.982)
- Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này	-

9 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(37.580.531.041)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>(3.915)</u>

10 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(37.580.531.041)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	-
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.600.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(3.915)</u>

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

Trong kỳ, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.

2 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có**3 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này</u>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.110.500.000

4 . Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này</u>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(77.957.200.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

- Theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2016 ngày 26/03/2016 đã quyết định giao cho Ông Võ Tấn Minh bán máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải và công trình xây dựng theo hợp đồng mua bán và chuyển nhượng tài sản giữa Cty CP Basa và Công Ty TNHH MTV Liên Lộc Phát ngày 21/03/2016 và công ty Basa đã thực hiện bàn giao máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện vận tải và công trình xây dựng cho Cty TNHH MTV Liên Lộc Phát theo biên bản bàn giao ngày 09/04/2016.

- Theo thông báo số 5422/TB-CT của Cục thuế TP Cần Thơ ngày 18/05/2016 yêu cầu Công ty Cổ phần BaSa nộp ngay số tiền thuế, tiền chậm nộp tính đến ngày 30/04/2016 là 334.577.310 đồng vào ngân sách nhà nước. Nếu công ty không nộp hoặc nộp không đủ, cơ quan thuế sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế theo các quy định hiện hành.

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có

3 . Thông tin về các bên liên quan

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Võ Tấn Minh	Chủ tịch HĐQT
Công ty TNHH Thực phẩm Phong Dinh	Bên liên quan

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Kỳ này
Ông Võ Tấn Minh	Vay thêm	2.110.500.000
	Chi trả nợ vay	46.740.000.000

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối kỳ
Ông Võ Tấn Minh	Chủ tịch HĐQT	4.090.051.707
Công ty TNHH Thực phẩm Phong Dinh	Bên liên quan	12.200.000.000



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

*(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)***4. Báo cáo bộ phận:**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán doanh thu bán hàng ở trong nước và xuất khẩu, do đó báo cáo bộ phận theo các khu vực như sau:

Chỉ tiêu	Kỳ này		Tổng
	Trong nước	Xuất khẩu	
Doanh thu	537.920.117		537.920.117
Các khoản giảm trừ doanh thu			-
Giá vốn	1.096.089.532		1.096.089.532
Lợi nhuận gộp	(558.169.415)		(558.169.415)

5. Quản lý rủi ro của Công ty

Nợ phải trả tài chính chủ yếu của Công ty bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, đầu tư chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Rủi ro về thay đổi tỷ giá ngoại tệ của Công ty chủ yếu liên quan đến các hoạt động của Công ty (khi doanh thu hoặc chi phí có gốc ngoại tệ khác so với tiền tệ chức năng của Công ty).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Độ nhạy về ngoại tệ

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá cổ phiếu:

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

Rủi ro về giá bất động sản:

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Công ty:

- Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

- Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

5.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng và từ hoạt động tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 16/05/2016

(Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

6. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	80.162.733	168.039.755	80.162.733	168.039.755
Phải thu khách hàng	-	2.075.295.977	-	2.075.295.977
Trả trước cho người bán	-	3.457.067.000	-	3.457.067.000
Các khoản phải thu khác	31.200.000	-	31.200.000	-
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	-	932.181.028	-	932.181.028
Người mua trả tiền trước	-	-	-	-
Vay và nợ	16.290.051.707	92.136.751.707	16.290.051.707	92.136.751.707
Phải trả người lao động	33.628.115	181.486.605	33.628.115	181.486.605
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	567.082.103	2.141.342.964	567.082.103	2.141.342.964

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

7. SỐ LIỆU SO SÁNH

Do báo cáo tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016, đến ngày 16/05/2016, do đó số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) và không có số liệu so sánh cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lập, ngày 18 tháng 05 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Lê Thị Kim Loan

Võ Tấn Minh



Lê Thị Kim Loan